TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/11/2018
"V/v *Ly hôn giữa chị T và anh G"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Nguyệt Hồng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông **Đỗ Văn Riều**.
2. Ông **Nguyễn Văn An.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Kim Trinh – kiểm sát viên.*

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 284/2018/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Dương Thị Mộng T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 205/66 Liên khu 4-5, phường BHH B, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Nguyễn Sơn Hải Trường G**, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp NC, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị Mộng T trình bày:

Chị và anh G xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới năm 2008 và được Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 337, ngày 06 tháng 10 năm 2009. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh G không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh G

có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh G.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Dương AT, sinh ngày 13/8/2009 và Nguyễn Dương MT, sinh ngày 07/5/2011. Hiện hai con đang sống với chung với chị. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Sơn Hải Trường G trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng anh G không tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng các điều 56, 81,82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T; Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Dương Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền G theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Dương Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Sơn Hải Trường G đã được Tòa án tống đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa…, nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị Dương Thị Mộng T và anh Nguyễn Sơn Hải Trường G theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: chị T chung sống với anh G từ năm 2008 và được Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 10 năm 2009 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do anh G không quan tâm chăm sóc, lo lắng cho gia đình và hiện nay anh G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn kéo dài từ đầu năm 2018 nhưng đến nay mâu thuẫn giữa chị và anh vẫn không hàn gắn được. Nay chị T xin ly hôn nhưng anh G không đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T, điều đó chứng tỏ anh G không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy mục đích

hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh G là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung tên Nguyễn Dương AT, sinh ngày 13/8/2009 và Nguyễn Dương MT, sinh ngày 07/5/2011, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con thì địa phương cung cấp chị T có việc làm ổn định trên thành phố Hồ Chí Minh và hiện nay các con đang sống với chị và được chị T lo lắng, chăm sóc cho việc ăn học của các cháu. Phía anh G cũng không có ý kiến phản đối. Việc để cháu Tuấn, cháu Tú cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng, phía anh G cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị T, anh G có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị T, anh G có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền G phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, 81,82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 28, 35, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Mộng T.

Chị Dương Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Sơn Hải Trường G

2/ Về con chung: Chị Dương Thị Mộng T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Dương AT, sinh ngày 13/8/2009 và Nguyễn Dương MT, sinh ngày 07/5/2011;

Anh Nguyễn Sơn Hải Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Sơn Hải Trường G được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí:

Chị Dương Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 42712 ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Gò Công;
- Chi cục THA.DS thị xã Gò Công;
- Đương sự;
- UBND phường BHH A, quận BT, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ, AV;

Lê Thị Nguyệt Hồng